

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4-HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST

Ngày 08/12/2025

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – HUNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Doanh và ông Nguyễn Quyết Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 96/2025/TLTS-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm: 1989 (vắng mặt)

HKTT: Thôn A, xã P, tỉnh Hưng Yên

Nơi tạm trú: Tổ dân phố M, phường C, tỉnh Bắc Ninh

- **Bị đơn:** Anh Đàm Văn C, sinh năm: 1988 (vắng mặt)

HKTT: Thôn 10, xã Phụng Công, tỉnh Hưng Yên

Anh Chung bị kết án tử hình, hiện đang bị giam tại Trại tạm giam số 2 – Công an thành phố H.

- **Người làm chứng:** Bà Đàm Thị X, sinh năm: 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã P, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Đàm Văn C trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên (nay là xã P, tỉnh Hưng Yên) ngày 11/7/2011. Sau khi kết hôn, chị chuyển về chung sống cùng anh C, ông bà ngoại và mẹ đẻ anh C. Vợ chồng chị hoàn toàn tự lập cuộc sống vì ông bà ngoại anh C đã già, mẹ anh có một thời gian đi ở với chồng (bố dượng anh C) đến khi chồng chết thì bà mới về ở với gia đình. Khi về chung sống chị mới biết anh C làm công việc xã hội đen, thường xuyên vắng nhà, chị đã nhiều lần khuyên anh không làm công việc này nữa nhưng anh không nghe, anh còn cặp với gái bên ngoài. Vợ chồng không hòa thuận, lại không có con chung vì trước đó chị đã 1 lần mang thai với anh C nhưng bị hổng và không mang thai lại được, vì vậy mà tình cảm vợ chồng ngày càng nguội lạnh, nhiều lần chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ, lần cuối chị bỏ về

là từ tháng 7 năm 2023 đến tháng 9 năm 2023 chị quay về để bảo anh C lo thủ tục ly hôn thì vào ngày 22/9/2023 anh C bị Công an thành phố H bắt về hành vi giết người ở xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội. Chị cũng bị Công an thành phố H dẫn theo nhưng qua xác minh, chị vô can nên Công an cho chị về. Sau đó anh C bị Tòa án xử phạt 30 năm tù và chấp hành án phạt tù tại Trại giam H1 - Hải Dương. Trong thời gian anh C chấp hành án phạt tù, chị có thăm gặp anh khoảng 1-2 lần, chủ yếu để nói về chuyện ly hôn nhưng anh không đồng ý và muốn chị thường xuyên đến thăm anh để sinh cho anh một đứa con, chị không đồng ý và không thăm gặp anh nữa.

Cách đây vài năm, Công an đến gặp chị điều tra nên chị được biết anh C để một người phụ nữ lạ làm giả các giấy tờ, lấy thân phận của chị để thường xuyên thăm gặp anh ở trại giam, giữa anh và người phụ nữ này có hành vi buôn bán ma túy và đường dây của họ đã bị Công an phát hiện điều tra. Sau này chị đọc được trên báo mạng thì biết anh C bị kết án tử hình, người phụ nữ kia bị kết án tù chung thân. Chị và anh C đã ly thân gần 10 năm nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị và anh C không có con chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Chị và anh C không có gì chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Đàm Văn C trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Thu T là tự nguyện, thời điểm đăng ký kết hôn và phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng ly thân như chị T trình bày trên. Từ khi anh chấp hành án tại Trại giam H1 - Hải Dương năm 2013 thì chị T chỉ đến thăm gặp anh 1 lần rồi không đến thăm gặp anh đến nay đã gần 10 năm. Anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T đã hết, hiện nay anh đang bị giam để chờ đi chấp hành án tử hình, nếu may mắn thì anh phải chấp hành án tù chung thân, chưa thể ra trại được nên anh nhất trí ly hôn chị T.

Về con chung: Anh và chị T không có con chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Anh và chị T không có gì chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

**Người làm chứng bà Đàm Thị X trình bày:* Bà là mẹ đẻ anh C. Anh C và chị T đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên (nay là xã P, tỉnh Hưng Yên) vào năm 2011. Quá trình chung sống, anh chị không xảy ra mâu thuẫn gì cho đến khoảng tháng 9 năm 2013 anh C bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt tù về tội giết người và đi chấp hành án tại Trại giam H1 thì chị T bỏ đi từ đó không quay về. Bà nghe anh C nói chị có đến trại thăm gặp anh được 1-2 lần nhưng lần nào vào trại cũng đều cãi nhau với anh C, sau đó chị không đến thăm gặp anh C nữa. Khi còn chung sống cùng chồng, chị T không quan tâm, chăm lo cho chồng và gia đình nhà chồng, khi chồng gặp hoạn nạn, vướng vào lao lý thì chị

bỏ mặc, không động viên, quan tâm thăm gặp nên gia đình bà không cần một người con dâu như chị, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh C. Chị T và anh C không có con chung. Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức của vợ chồng anh chị không có gì chung.

** Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện:* Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Đàm Văn C đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên (nay là xã P, tỉnh Hưng Yên) ngày 11/7/2011. Sau khi kết hôn, chị T chuyển về chung sống cùng anh C, ông bà ngoại và mẹ đẻ anh C. Quá trình chung sống, anh chị có xảy ra mâu thuẫn không thì địa phương không nắm được. Khoảng tháng 9 năm 2013 anh C bị Công an thành phố H bắt về hành vi giết người ở Đ, G, sau đó anh bị Tòa án xử phạt tù và chấp hành án tại Trại giam H1 - Hải Dương. Sau khi anh C đi chấp hành án thì chị T không còn ở địa phương từ thời điểm đó đến nay. Khoảng năm 2024 anh C bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt tù hình về hành vi mua bán trái phép chất ma túy khi đang chấp hành án tại Trại giam H1 - Hải Dương. Hiện nay anh C đang bị giam tại Trại tạm giam số 2 – Công an thành phố H. Về quan hệ hôn nhân của chị T và anh C, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị T và anh C không có con chung.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự và người làm chứng đều vắng mặt.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, HĐXX, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự thủ tục, đảm bảo khách quan, HĐXX không thuộc trường hợp phải thay đổi, thủ tục tố tụng tại phiên tòa được HĐXX tiến hành đảm bảo đúng quy định. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng và đầy đủ quy định tại Điều 70; Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Người làm chứng chấp hành đúng và đầy đủ quy định tại Điều 77 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 điều 51; điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 328/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn anh Đàm Văn C.

Về con chung, tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật của chị Nguyễn Thị Thu T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T yêu cầu Tòa án giải quyết “Xin ly hôn” đối với bị đơn anh Đàm Văn C, sinh năm 1988, đăng ký HKTT tại thôn A, xã P, tỉnh Hưng Yên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên.

- Nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[3]. Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của đương sự, người làm chứng, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ khẳng định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Đàm Văn Chung kết H hoàn toàn tự nguyện, anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên (nay là xã P, tỉnh Hưng Yên) ngày 11/7/2011, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị không hạnh phúc, nhiều lần chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Tháng 9/2023 anh C bị bắt về các hành vi giết người, cướp tài sản, tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng và đi chấp hành án tại Trại giam H1 - Hải Dương thì anh, chị ly thân từ đó, chị T có 1-2 lần thăm gặp anh rồi sau đó chị không gặp nữa và cũng không còn qua lại gia đình anh C. Chị T xác định vợ chồng ly thân đã gần 10 năm, không còn tình cảm nên chị xin ly hôn anh C. Anh C có quan điểm tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T đã hết, hiện nay anh đang bị giam để chờ đi chấp hành án tử hình, nếu may mắn thì anh phải chấp hành án tù chung thân, chưa thể ra trại được nên anh nhất trí ly hôn chị T. Xét thấy, hôn nhân giữa chị T và anh C không hạnh phúc, vợ chồng ly thân đã nhiều năm do anh C phải chấp hành hình phạt tù, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T xin ly hôn, anh C cũng tự nguyện đồng ý ly hôn chị T nên sẽ chấp nhận sự tự nguyện ly hôn của anh chị.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Đàm Văn C đều xác nhận anh, chị không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Đàm Văn C đều xác nhận anh, chị không có gì chung, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật nên sẽ chấp nhận sự tự nguyện này của chị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51; Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.
- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Khoản 3 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình;

-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/1/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận sự tự nguyện ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T và anh Đàm Văn C, cho chị T và anh C ly hôn.

- *Về con chung, tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức:* Không đặt ra giải quyết.

- *Về án phí:* Chấp nhận sự tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm của chị Nguyễn Thị Thu T. Đối trừ 300.000đ chị T đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0002179 ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, hoàn trả chị T 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

- *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV & THA TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 4-Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Phụng Công, tỉnh Hưng Yên (Số z32; ĐKKH ngày 11/7/2011 UBND xã Xuân Quan cũ);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thoa